

TỔNG HỢP
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỨC ĐỘ 3, 4
CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
(Từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 28/02/2023)

STT	Tên đơn vị	Hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến			Tỷ lệ (%) đã thực hiện
		Nộp trực tiếp	Nộp trực tuyến	Tổng số	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)=(4)/(5)
TỔNG CỘNG		86	3925	4011	97.86
I. UBND HUYỆN TỨ KỲ		0	247	247	100.00
1	Phòng Nội vụ	0	2	2	100.00
	Thi đua-Khen thưởng	0	2	2	100.00
2	Phòng Kinh tế - HT	0	9	9	100.00
	Hoạt động xây dựng	0	4	4	100.00
	Quy hoạch, xây dựng kiến trúc	0	5	5	100.00
3	Phòng Tài nguyên - MT	0	62	62	100.00
	Chính sách thuế	0	1	1	100.00
	Đất đai	0	61	61	100.00
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	0	90	90	100.00
	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	0	89	89	100.00
	Quản lý công sản	0	1	1	100.00
5	Phòng Tư pháp	0	84	84	100.00
	Hộ tịch	0	24	24	100.00
	Chứng thực	0	60	60	100.00
6	Các phòng còn lại (chưa có hồ sơ quy định phát sinh)	0	0	0	0.00

II. UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN		86	3678	3764	97.72
1	UBND Thị trấn Tứ Kỳ	1	158	159	99.37
2	UBND Xã An Thanh	14	189	203	93.10
3	UBND Xã Bình Lãng	0	114	114	100.00
4	UBND Xã Chí Minh	0	308	308	100.00
5	UBND Xã Cộng Lạc	5	168	173	97.11
6	UBND Xã Dân Chủ	14	68	82	82.93
7	UBND Xã Hà Kỳ	0	235	235	100.00
8	UBND Xã Hà Thanh	0	61	61	100.00
9	UBND Xã Hưng Đạo	11	291	302	96.36
10	UBND Xã Minh Đức	13	144	157	91.72
11	UBND Xã Nguyên Giáp	9	247	256	96.48
12	UBND Xã Ngọc Kỳ	0	80	80	100.00
13	UBND Xã Phượng Kỳ	4	118	122	96.72
14	UBND Xã Quang Khải	0	136	136	100.00
15	UBND Xã Quang Phục	0	205	205	100.00
16	UBND Xã Quang Trung	0	185	185	100.00
17	UBND Xã Quảng Nghiệp	1	195	196	99.49
18	UBND Xã Tiên Động	4	117	121	96.69
19	UBND Xã Tái Sơn	4	49	53	92.45
20	UBND Xã Tân Kỳ	0	146	146	100.00
21	UBND Xã Văn Tố	0	123	123	100.00
22	UBND Xã Đại Hợp	6	119	125	95.20
23	UBND Xã Đại Sơn	0	222	222	100.00